Tờ Dữ Liệu An Toàn

ĐOẠN 1 NHẬN DIỆN SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Havoline Super 4T SAE 15W-40, 20W-40, 20W-50

Sử dụng sản phẩm: Dầu Xe Máy Hai Bánh 4T
(Các) số sản phẩm: 500701, 500702, 500727
Nhận diện công ty
Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam
Lô F4 - Khu Công nghiệp Đình Vũ - An Hải
Hải Phòng
Việt Nam

Phản Ứng khẩn cấp khi vận chuyển
Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Đặt tại Hoa Kỳ. Nhận điện thoại quốc tế người nhận trả. (800) 231-0623 hay (510) 231-0623
Sức khỏe khẩn cấp
Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Đặt tại Hoa Kỳ. Nhận điện thoại quốc tế người nhận trả. (800) 231-0623 hay (510) 231-0623
Thông tin sản phẩm
điện thư : CLVLTech@chevron.com
Thông tin sản phẩm: +84-4-37332545
Số FAX: +84-4-37332555

ĐOẠN 2 CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

THÀNH PHẦN	SỐ CAS	SỐ LƯỢNG
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	Hỗn hợp	70 - 99 % trọng lượng

ĐOẠN 3 NHẬN DẠNG CHẤT NGUY HIỂM

XẾP LOẠI: Không bị xếp vào loại nguy hiểm dựa theo quy định số 6/2007/QH12 của Luật Hóa Chất.

ĐOẠN 4 PHƯƠNG PHÁP SƠ CỨU

Mắt: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Để phòng ngừa, tháo kính áp tròng ra nếu có mang, và xối rửa mắt bằng nước.
Da: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Để phòng ngừa, tháo quần áo và giày dép nếu bị thấm nhiễm. Để gột hết chất này ra khỏi da, sử dụng xà bông và nước. Hãy thải bỏ quần áo và giày dép đã thấm nhiễm

hoặc giặt rửa thật kỹ trước khi dùng lại.
Ăn: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Đừng làm nôn mửa. Biện pháp đề phòng là hỏi ý kiến y tế.
Hít vào: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Nếu tiếp xúc chất liệu trong không khí ở mức quá cao, đưa người bị tiếp xúc ra chỗ không khí trong lành. Hãy đến nơi chăm sóc y tế nếu bị ho hay khó chịu ở đường hô hấp.

ĐOẠN 5 PHƯƠNG PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN DẬP TẮT: Dùng màn nước, chất bọt, hóa chất khô hay dioxit cacbon (CO2) để dập lửa.

BẢO VỆ LÍNH CỨU HỎA:
Chỉ dẫn chữa cháy: Chất này sẽ cháy, mặc dù không dễ gì kích hỏa. Xem Đoạn 7 để biết cách xếp dỡ và bảo quản đúng quy định. Khi xảy ra hỏa hoạn liên can đến chất này thì đừng đi vào bất cứ nơi quây kín hoặc chật hẹp bít bùng nào đang cháy mà không có trang bị bảo vệ thích hợp, kể cả dụng cụ thở độc lập.
Sản phẩm đốt cháy: Tùy thuộc rất lớn vào điều kiện cháy. Một hỗn hợp phức chất – gồm các thành phần đặc, lỏng và khí, trong đó kể cả monoxit cacbon, dioxit cacbon, và hợp chất hữu cơ chưa rõ gốc tích – sẽ sinh ra trong không khí khi chất này đang cháy. Khi đốt cháy thì có thể tạo thành các oxit: Nitơ, Bo .

ĐOẠN 6 PHƯƠNG PHÁP GIẢM TAI NẠN

Phương pháp bảo vệ: Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy ở khu vực gần chất liệu chảy tràn.
Kiểm soát chảy tràn: Hãy chặn đứng nguồn phóng thích nếu có thể thực hiện mà không bị nguy cơ rủi ro nào. Nên khống chế chất thoát ra để ngăn ngừa tiếp tục thấm nhiễm mặt đất, nước mặt hay nước ngầm. Dọn sạch vết loang càng sớm càng tốt ngay khi có thể, và nhớ tuân thủ biện pháp đề phòng ghi trong phần Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân. Nên dùng những kỹ thuật thích hợp, ví dụ như áp dụng phương pháp bơm hoặc sử dụng chất hấp thu nhanh nhưng khó cháy. Nếu khả thi và thích hợp thì dỡ bỏ lớp đất đã thấm nhiễm. Hãy đặt chất đã thấm nhiễm vào thùng chứa 'chỉ dùng một lần' rồi thải bỏ theo cách thức phù hợp với quy định hiện hành.
Báo cáo: Báo cáo vết dầu loang cho chính quyền địa phương khi thích hợp hoặc cần thiết.

ĐOẠN 7 XẾP DỠ VÀ BẢO QUẢN

Thông tin xếp dỡ chung: Tránh làm thấm nhiễm vào đất hoặc phóng thích chất này vào hệ thống thoát nước và cống rãnh cũng như các khu vực chứa nước.
Phương pháp phòng ngừa: Nhớ để ngoài tầm tay trẻ em.
Nguy hiểm tĩnh: Tĩnh điện có thể tích tụ và gây ra tình trạng nguy hiểm khi xử lý chất này. Có thể cần phải giữ chặt và tiếp đất để giảm thiểu hiểm họa này, nhưng bản thân những điều đó có thể là chưa đủ. Hãy xem lại mọi hoạt động có thể tạo ra và tích tụ tĩnh điện và / hoặc môi trường không khí dễ cháy (kể cả việc châm đầy bồn chứa và thùng chứa, châm đầy kiểu bắn tóe, làm vệ sinh bồn chứa, lấy mẫu, đo đạc, bật công tắc, lọc lựa, trộn, khuấy, hoạt động hút chân không) và vận dụng các phương thức thích hợp để giảm thiểu nguy cơ.
Cảnh Báo Trên Thùng Hàng: Thùng chứa không dùng để chịu áp suất cao. Không dùng áp lực để thổi sạch thùng chứa, vì nó có thể thủng vỡ với lực nổ mạnh. Các thùng chứa rỗng còn vương lại cặn sản phẩm (ở thể đặc, lỏng, và / hoặc hơi) và có thể rất nguy hiểm. Đừng tăng áp, cắt, hàn điện, hàn đồng, hàn hợp kim, khoan, mài, hoặc phơi bày thùng chứa như thế ra trước nhiệt, ngọn lửa, tia lửa, tĩnh điện, hoặc nguồn kích hỏa khác. Chúng có thể nổ tung và gây thương tật hoặc tử vong. Nên xả thùng ống rỗng hoàn toàn, đậy kín và nhanh chóng trả lại cho nơi tân trang thùng hay bỏ đúng cách.

ĐOẠN 8 KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

THẬN TRỌNG CHUNG:
Hãy cân nhắc những hiểm họa tiềm tàng của chất này (xem Đoạn 3), các giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm hiện hành, hoạt động cần thực hiện trong công việc – cùng với những chất khác tại nơi làm việc – khi thiết kế biện pháp kiểm soát kỹ thuật và chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân. Nếu biện pháp kiểm soát kỹ thuật hoặc cung cách làm việc vẫn

chưa thỏa đáng để phòng tránh tiếp xúc phơi nhiễm với mức nguy hại của chất này thì nên dùng trang thiết bị bảo vệ cá nhân liệt kê ở dưới. Người sử dụng phải đọc và hiểu rõ tất cả các chỉ dẫn và điều hạn chế đi kèm theo thiết bị, vì thông thường chỉ có thể bảo vệ trong một thời gian giới hạn hay trong một số trường hợp nhất định.

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT:
Chỉ dùng tại nơi thông thoáng tốt.

THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN
Bảo vệ mắt / mặt: Nói chung không đòi hỏi bảo vệ đặc biệt cho mắt. Khi có thể xảy ra trường hợp văng tóe thì phương thức an toàn hợp lý là đeo kính an toàn có miếng che bên hông.
Bảo vệ da: Nói chung không đòi hỏi quần áo bảo hộ đặc biệt. Khi có thể xảy ra trường hợp văng tóe thì nên chọn quần áo bảo hộ tùy theo hoạt động sắp thực hiện, các yêu cầu về thể lực, và những chất khác tại nơi làm việc. Các chất liệu nên dùng cho găng tay bảo hộ là: 4H (PE/EVAL), Cao su nitril, Miếng che bằng bạc, Viton.
Bảo vệ hô hấp: Nói chung không đòi hỏi trang bị bảo vệ hô hấp. Nếu hoạt động của người sử dụng tạo ra sương từ dầu thì xác định xem nồng độ trong không khí có ở dưới giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm trong nghề nghiệp – đối với sương dầu khoáng – hay không. Nếu không thì đeo mặt nạ thở đã được phê chuẩn nào có mức bảo vệ thỏa đáng đối với nồng độ chất đo được. Nên dùng hộp lọc hạt vụn cho mặt nạ thở thanh lọc không khí.
Nên đeo mặt nạ cung cấp không khí (áp lực dương) trong trường hợp mặt nạ lọc khí có thể không bảo vệ đầy đủ.

Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp:

Thành phần	Quốc gia/ Cơ quan	Dạng	TWA	STEL	Trần nhà	Chú thích
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	ACGIH	--	5 mg/m3	10 mg/m3	--	--
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	Việt Nam	Sương	5 mg/m3	10 mg/m3	--	--

Nên tham vấn với chánh quyền địa phương để biết giá trị thích hợp.

ĐOẠN 9 THÀNH PHẦN LÝ HÓA

Chú ý: dữ liệu dưới đây là giá trị tiêu biểu và không phải là chi tiết kỹ thuật.

Màu sắc: Thay đổi tùy theo đặc tính kỹ thuật
Trạng thái vật lý: Chất lỏng
Mùi: Mùi dầu mỏ
Ngưỡng mùi: Không có sẵn dữ liệu
pH: Không có sẵn dữ liệu
Áp suất hơi: Không có sẵn dữ liệu
Tỉ trọng bay hơi (Không khí = 1): Không có sẵn dữ liệu
Điểm sôi: Không có sẵn dữ liệu
Độ hòa tan: Hòa tantrong hydrocacbon; không tan trong nước
Điểm đông: Không có sẵn dữ liệu
Điểm tan chảy: Không có sẵn dữ liệu
Tỉ trọng: 0.8458 kg/l - 0.8727 kg/l @ 15°C (59°F) (Điển hình)
Độ nhớt: 13 mm2/s @ 100°C (212°F) (Tối thiểu)
Hệ số của Nhiệt độ Giãn nở / °F: Không có sẵn dữ liệu
Tốc độ bay hơi.: Không có sẵn dữ liệu
Hệ số phân bố octanol / nước: Không có sẵn dữ liệu

ĐẶC TÍNH DỄ BẮT CHÁY:
Điểm bốc cháy: (Thử nghiệm Open Cup Cleveland) 205 °C (401 °F) (Tối thiểu)
Tự bốc cháy: Không có sẵn dữ liệu
Giới hạn dễ bắt lửa (Cháy Nổ) (% theo số lượng trong không khí): Thấp hơn: Không có sẵn dữ liệu
Cao hơn: Không có sẵn dữ liệu

ĐOẠN 10 ĐỘ BỀN VỮNG VÀ PHẢN ỨNG

Phản ứng: Có thể phản ứng với axit mạnh hay chất oxy hóa mạnh, như clorat, nitrat, peroxit, v. v…
Độ bền vững hóa học.: Chất này được cho là ổn định trong điều kiện nhiệt độ và áp lực xung quanh thông thường và xếp dỡ và bảo quản lường trước.
Không tương thích với các chất liệu khác: Không áp dụng
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Chưa biết (Chưa nghĩ đến)
Trùng hợp (polime hóa) nguy hiểm: Sẽ không xảy ra quá trình polyme hóa nguy hại.

ĐOẠN 11 THÔNG TIN ĐỘC TỐ

ẢNH HƯỞNG SỨC KHỎE TRỰC TIẾP
Mắt: Dự kiến không gây xốn mắt kéo dài hay nghiêm trọng.
Xốn mắt: Thông tin về hiểm họa làm xốn rát mắt được dựa theo kết quả đánh giá dữ liệu về thành phần sản phẩm.

Da: Dự kiến sẽ không gây ngứa kéo dài hoặc đáng kể khi tiếp xúc với da. Dự kiến sẽ không gây dị ứng da khi tiếp xúc với da. Dự kiến không gây hại cho cơ quan nội tạng nếu hấp thu qua da.
Độc tính da cấp tính: Thông tin về hiểm họa gây nhiễm độc da cấp tính được dựa theo kết quả đánh giá dữ liệu về thành phần sản phẩm.
Ngứa da: Thông tin về hiểm họa làm bứt rứt da được dựa theo kết quả đánh giá dữ liệu về thành phần sản phẩm.
Nhạy cảm da: Thông tin về hiểm họa làm nhạy cảm da được dựa theo kết quả đánh giá dữ liệu về thành phần sản phẩm.

Ăn: Dự kiến không gây hại nếu nuốt vào.
Độc tố cấp tính qua đường miệng: Thông tin về hiểm họa gây nhiễm độc cấp tính qua đường miệng được dựa theo kết quả đánh giá dữ liệu về thành phần sản phẩm.

Hít vào: Dự kiến không gây hại nếu hít phải. Chứa dầu khoáng gốc dầu mỏ. Có thể bị bứt rứt hô hấp hoặc tác động khác lên phổi sau khi xông hít sương dầu trong một thời gian dài hoặc lập đi lập lại ở nồng độ (trong không khí) cao hơn giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm đã khuyến nghị đối với sương dầu khoáng. Triệu chứng ngứa rát hệ hô hấp có thể bao gồm ho và khó thở.
Độc tố cấp tính hít vào: Thông tin về hiểm họa gây nhiễm độc cấp tính khi hít phải được dựa theo kết quả đánh giá dữ liệu về thành phần sản phẩm.
Ước tính độc tố cấp tính: Chưa xác định

THÔNG TIN THÊM VỀ ĐỘC TÍNH:
Trong lúc sử dụng cho động cơ, xảy ra tình trạng dầu nhiễm bẩn với sản phẩm đốt cháy gây ung thư ở mức thấp. Dầu mô tơ đã cũ cho thấy gây ung thư da ở chuột nhắt sau khi thoa lập đi lập lại và tiếp xúc liên tục. Tiếp xúc qua da ngắn hay không liên tục với dầu mô tơ đã cũ không gây ảnh hưởng nghiêm trọng ở con người nếu cọ rửa kỹ bằng xà bông và nước. Sản phẩm này có dầu gốc có thể được tinh chế bằng những tiến trình khác nhau bao gồm chiết xuất dung môi, cracking hydro, hay xử lý hydro mạnh. Không có loại dầu nào đòi hỏi có cảnh báo ung thư theo Tiêu Chuẩn Loan Báo Hiểm Họa của OSHA (29 CFR 1910. 1200). Những loại dầu này chưa được nêu trong Báo Cáo Thường Niên của Chương Trình Nghiên Cứu Độc Chất Quốc Gia (National Toxicology Program, hay NTP) hay được Cơ Quan Quốc Tế Nghiên Cứu Ung Thư (International Agency for Research on Cancer, hay IARC) xếp loại là; chất gây ung thư cho con người (Nhóm 1), có thể gây ung thư cho con người (Nhóm 2A), hay có khả năng gây ung thư cho con người (Nhóm 2B). Các loại dầu này chưa được Hội Nghị Mỹ Các Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp Chính Phủ (American Conference of Governmental Industrial Hygienists, hay ACGIH) xếp loại là: chất xác định gây ung thư ở con người (A1), chất nghi ngờ gây ung thư ở con người (A2), hay chất xác định gây ung thư ở động vật có liên quan chưa biết đến con người (A3).

ĐOẠN 12 THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH SINH THÁI
Dự kiến chất này không gây hại cho thủy sinh vật.
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

CHUYỂN ĐỘNG
Không có sẵn dữ liệu.

ĐỘ BỀN BỈ VÀ PHÂN HỦY
Dự kiến chất này không dễ phân hủy sinh học. Tính thoái biến sinh học của chất này dựa trên đánh giá dữ liệu cho các thành phần hay chất tương tự.
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

CÓ KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC
Yếu tố nồng độ sinh học: Không có sẵn dữ liệu.
Hệ số phân bố octanol / nước: Không có sẵn dữ liệu

ĐOẠN 13 CẨN THẬN KHI VỨT BỎ

Sử dụng chất liệu cho mục đích định sẵn hay tái chế nếu có thể. Hiện đang có dịch vụ thu gom dầu đã sử dụng để tái chế hoặc tiêu hủy. Hãy đặt chất liệu đã thấm nhiễm vào thùng chứa rồi bỏ theo cách thức phù hợp với quy định hiện hành. Nên liên lạc với đại diện bán hàng của bạn hoặc cơ quan địa phương có thẩm quyền về môi trường hoặc sức khỏe để biết các phương pháp tái chế hay tiêu hủy đã được phê chuẩn.

ĐOẠN 14 THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Mô tả trình bày không áp dụng cho tất cả các trường hợp gởi hàng. Tham khảo 49CFR, hay Quy Định Hàng Hóa Nguy Hiểm (Dangerous Goods Regulations) thích hợp để biết thêm các đòi hỏi mô tả khác (chẳng hạn như tên kỹ thuật) và đòi hỏi gởi hàng theo cách đặc biệt hay theo số lượng đặc biệt.

Mô Tả Gởi Hàng UN: NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER THE UNITED NATIONS MODEL REGULATIONS/RECOMMENDATIONS

Mô tả gởi hàng IMO / IMDG: NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER THE IMDG CODE

Mô tả gởi hàng ICAO / IATA: NOT REGULATED AS DANGEROUS GOODS FOR TRANSPORT UNDER ICAO

ĐOẠN 15 THÔNG TIN QUY ĐỊNH

DÒ TÌM DANH SÁCH QUY ĐỊNH:
01-1=IARC Nhóm 1
01-2A=IARC Nhóm 2A
01-2B=IARC Nhóm 2B

Không một thành phần nào của chất này có tên trong danh sách bị kiểm soát ở trên.

DANH SÁCH HÓA CHẤT:
Mọi thành phần đều phù hợp với các yêu cầu kiểm kê hóa chất sau đây: AICS (Úc), DSL (Canada), KECI (Hàn Quốc), NZIoC (Tân Tây Lan), PICCS (Philipin), TCSI (Đài Loan), TSCA (Hoa Kỳ).

Một hay nhiều thành phần được nêu trong ELINCS (Liên Minh Châu Âu). Mọi thành phần khác được liệt kê hoặc

miễn trừ theo danh sách về EINECS.

Một hay nhiều thành phần không phù hợp với các yêu cầu kiểm kê hóa chất sau đây: ENCS (Nhật Bản).

ĐOẠN 16 CÁC THÔNG TIN KHÁC

BÁO CÁO DUYỆT LẠI: ĐOẠN 01 - Sử dụng sản phẩm thông tin đã được sửa.
ĐOẠN 01 - Phản Ứng khẩn cấp khi vận chuyển thông tin đã được sửa.
ĐOẠN 05 - Biện Pháp Bảo Vệ Nhân Viên Chữa Cháy thông tin đã được sửa.
ĐOẠN 05 - Hiểm Họa Riêng của Chất và Hỗn Hợp thông tin đã được bổ sung.
ĐOẠN 08 - Bảng Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp thông tin đã được sửa.
ĐOẠN 09 - THÀNH PHẦN LÝ HÓA thông tin đã được sửa.
ĐOẠN 11 - THÔNG TIN THÊM VỀ ĐỘC TÍNH thông tin đã được sửa.
ĐOẠN 14 - Phân loại theo Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT) thông tin đã được xóa.
ĐOẠN 14 - Phân loại theo Liên Hiệp Quốc (UN) thông tin đã được bổ sung.
ĐOẠN 15 - DANH SÁCH HÓA CHẤT thông tin đã được sửa.

Ngày duyệt lại: Tháng Chín 11, 2019

CÁC CHỮ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU NÀY:

TLV - Giá trị giới hạn ngưỡng	TWA - Trung bình trọng lượng thời gian
STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn	PEL - Giới hạn tiếp xúc cho phép
	CAS - Số Dịch Vụ Tóm Tắt Hóa Chất
ACGIH - American Conference of Governmental Industrial Hygienists	IMO/IMDG - International Maritime Dangerous Goods Code
API - American Petroleum Institute	MSDS - Tờ An Toàn Chất Liệu (Material Safety Data Sheets, hay MSDS)
CVX - Chevron	NFPA - National Fire Protection Association (USA)
	NTP - National Toxicology Program (USA)
IARC - International Agency for Research on Cancer	

Điều chế theo Luật Hóa Chất số 6/2007/QH12 từ Chevron Energy Technology Company (Công Ty Kỹ Thuật Năng Lượng Chevron), 6001 Bollinger Canyon Road San Ramon, CA 94583.

Thông tin trên dựa theo dữ liệu chúng tôi biết và được cho là chính xác kể từ ngày này. Do có thể áp dụng thông tin này theo các điều kiện ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi và với những điều kiện chưa quen và do dữ liệu có thể có sẵn tiếp theo ngày này, có thể có đề nghị sửa đổi thông tin, chúng tôi không chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng. Thông tin này được cung cấp theo điều kiện là người nhận phải tự quyết định chất liệu thích hợp cho mục đích riêng của mình.